

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM CÓ ĐÁP ÁN MÔN: QUẢN TRỊ HỌC

CHƯƠNG 1

Câu 1: Quản trị đc thực hiện trong 1 tổ chức nhằm

- a. Tối đa hóa lợi nhuận
- b. Đạt mục tiêu của tổ chức
- c. Sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực
- d. Đạt đc mục tiêu của tổ chức với hiệu suất cao

Câu 2: Điền vào chỗ trống : quản trị là những hoạt động cần thiết khi có nhiều người kết hợp với nhau trong 1 tổ chức nhằm thực hiện chung”

- a. Mục tiêu
- b. Lợi nhuận
- c. Kế hoạch
- d. Lợi ích

Câu 3: Điền vào chỗ trống “ Hoạt động quản trị chịu sự tác động của ... đang biến động k ngừng”

- a. Kỹ thuật
- b. Công nghệ
- c. Kinh tế
- d. Môi trường

Câu 4: Quản trị cần thiết cho

- a. Các tổ chức vì lợi nhuận và tổ chức phi lợi nhuận
- b. Các doanh nghiệp hoạt động sx kinh doanh
- c. Các đơn vị hành chính sự nghiệp
- d. Các công ty lớn

Câu 5: Điền vào chỗ trống “ quản trị hướng tổ chức đạt mục tiêu với ... cao nhất và chi phí thấp nhất”

- a. Sự thỏa mãn
- b. Lợi ích
- c. Kết quả
- d. Lợi nhuận

Câu 6: Để tăng hiệu suất quản trị, các nhà quản trị có thể thực hiện bằng cách

- a. Giảm chi phí ở đầu vào và doanh thu ở đầu ra k thay đổi
- b. Chi phí ở đầu vào k thay đổi và tăng doanh thu ở đầu ra
- c. Vừa giảm chi phí ở đầu vào và vừa tăng doanh thu ở đầu ra
- d. Tất cả những cách trên

Câu 7: Quản trị viên trung cấp thường tập trung vào việc ra các loại quyết định

- a. Chiến lược
- b. Tác nghiệp
- c. Chiến thuật
- d. Tất cả các loại quyết định trên

Câu 8: Càng xuống cấp thấp hơn thời gian dành cho chức năng quản trị nào sẽ càng quan trọng

- a. Hoạch định
- b. Tổ chức và kiểm tra
- c. Điều khiển
- d. Tất cả các chức năng trên

Câu 9: Càng lên cấp cao hơn, thời gian dành cho chức năng quản trị nào sẽ càng quan trọng

- a. Hoạch định
- b. Tổ chức
- c. Điều khiển
- d. Kiểm tra

Câu 10: Nhà quản trị phân bố thời gian nhiều nhất cho việc thực hiện chức năng

- a. Hoạch định
- b. Điều khiển và kiểm tra
- c. Tổ chức
- d. **Tất cả phương án trên đều k chính xác**

Câu 11: Nành quản trị cấp cao cần thiết nhất kỹ năng

- a. Nhân sự
- b. Tư duy
- c. Kỹ thuật
- d. **Kỹ năng tư duy + nhân sự**

Câu 12: Mối quan hệ giữa các cấp bậc quản trị và các kỹ năng của nành quản trị là

- a. Ở bậc quản trị càng cao kỹ năng kỹ thuật càng có tầm quan trọng
- b. Ở bậc quản trị càng cao kỹ năng nhân sự càng có tầm quan trọng
- c. **Kỹ năng nhân sự có tầm quan trọng như nhau đối với các cấp bậc quản trị**
- d. Tất cả các phương án trên đều sai

Câu 13: Hoạt động quản trị thị trường đc thực hiện thông qua 4 chức năng

- a. **Hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra**
- b. Hoạch định, nhân sự, chỉ huy, phối hợp
- c. Hoạch định, tổ chức, phối hợp, báo cáo
- d. Kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra

Câu 14: Trong 1 tổ chức, các cấp bậc quản trị thường đc chia thành

- a. 2 cấp quản trị
- b. **3 cấp quản trị**
- c. 4 cấp quản trị
- d. 5 cấp quản trị

Câu 15: Cố vấn cho ban giám đốc câu 1 doanh nghiệp thuộc cấp quản trị

- a. Cấp cao
- b. Cấp giữa
- c. Cấp thấp (cơ sở)
- d. **Tất cả đều sai**

Câu 16: Điền vào chỗ trống “ chức năng hoạch định nhằm xác định mục tiêu cần đạt đc và đề ra ... hành động để đạt mục tiêu trong từng khoảng thời gian nhất định”

- a. Quan điểm
- b. **Chương trình**
- c. Giới hạn
- d. Cách thức

Câu 17: Quan hệ giữa cấp bậc quản trị và các kỹ năng

- a. Chức vụ càng thấp thì kĩ năng về kỹ thuật càng quan trọng
- b. Chức vụ càng cao thì kỹ năng về tư duy càng quan trọng
- c. **Nhà quản trị cần tất cả các kỹ năng, tuy nhiên chức vụ càng cao thì kỹ năng tư duy càng quan trọng**
- d. Tất cả những tuyên bố nêu trên đều sai

Câu 18: Kỹ năng nào cần thiết ở mức độ như nhau đối với các nhà quản trị

- a. Tư duy
- b. Kỹ thuật
- c. **Nhân sự**
- d. Tất cả đều sai

Câu 19: Vai trò nào đã đc thực hiện khi nhà quản trị đưa ra 1 quyết định để phát triển kinh doanh

- a. Vai trò người lãnh đạo
- b. Vai trò người đại diện
- c. Vai trò người phân bổ tài nguyên
- d. **Vai trò người doanh nhân**

Câu 20: Điền vào chỗ trống “ Nhà quản trị cấp thấp thì kỹ năng ... càng quan trọng”

- a. Nhân sự
- b. **Chuyên môn**
- c. Tư duy
- d. Giao tiếp

Câu 21: Mục tiêu của quản trị trong 1 tổ chức là

- a. **Đạt dc hiệu quả và hiệu suất cao**
- b. Sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có
- c. Tìm kiếm lợi nhuận
- d. Tạo sự ổn định để phát triển

Câu 22: Phát biểu nào sau đây là đúng

- a. Quản trị cần thiết đối với bệnh viện
- b. Quản trị cần thiết đối với trường đại học
- c. **Quản trị chỉ cần thiết đối với tổ chức có quy mô lớn**
- d. Quản trị cần thiết đối với doanh nghiệp

Câu 23: Quản trị cần thiết trong các tổ chức để

- a. Đạt dc lợi nhuận
- b. Giảm chi phí
- c. **Đạt dc mục tiêu với hiệu suất cao**
- d. Tạo trật tự trong 1 tổ chức

Câu 24: Để tăng hiệu quả, các nhà quản trị có thể thực hiện bằng cách

- a. Giảm chi phí ở đầu vào và kết quả ở đầu ra k thay đổi
- b. Chi phí ở đầu vào k đổi và tăng kq đầu ra
- c. Vừa giảm chi phí ở đầu vào và tăng kq đầu ra
- d. **Tất cả đều sai**

Câu 25: Để đạt hiệu quả, các nhà quản trị cần phải

- a. **Xác định và hoàn thành đúng mục tiêu**
- b. Giảm chi phí đầu vào
- c. Tăng doanh thu ở đầu ra
- d. Tất cả đều chưa chính xác

Câu 26: Trong quản trị doanh nghiệp quan trọng nhất là

- a. Xác định đúng lĩnh vực hoạt động tổ chức
- b. Xác định đúng quy mô của tổ chức
- c. Xác định đúng trình độ và số lượng đội ngũ nhân viên
- d. **Xác định đúng chiến lược phát triển của doanh nghiệp**

Câu 27: Nhà quản trị cấp thấp cần tập trung thời gian nhiều nhất cho chức năng nào sau đây?

- a. Hoạch định
- b. Tổ chức và kiểm tra
- c. **Điều khiển**
- d. Tất cả các chức năng trên

Câu 28: Thời gian dành cho chức năng hoạch định sẽ cần nhiều hơn đối với nhà quản trị

- a. **Cấp cao**
- b. Cấp trung
- c. Cấp thấp
- d. Tất cả các nhà quản trị

Câu 29: Nhà quản trị cần phân bổ thời gian nhiều nhất cho việc thực hiện chức năng

- a. Hoạch định và kiểm tra
- b. Điều khiển và kiểm tra
- c. Hoạch định và tổ chức
- d. **Tất cả phương án trên đều k chính xác**

Câu 30: Nhà quản trị cấp thấp cần thiết nhất

- a. Kỹ năng nhân sự
- b. **Kỹ năng nhân sự + kỹ năng kỹ thuật**
- c. Kỹ năng kỹ thuật
- d. Kỹ năng kỹ thuật + kỹ năng tư duy

Câu 31: Các chức năng cơ bản theo quản trị học hiện đại gồm

- a. 4 chức năng
- b. 6 chức năng
- c. 3 chức năng
- d. 5 chức năng

Câu 32: Theo Henry Mintzberg, các nhà quản trị phải thực hiện bao nhiêu vai trò

- a. 7
- b. 14
- c. 10
- d. 4

Câu 33: Nghiên cứu của Henry Mintzberg đã nhận dạng 10 vai trò của nhà quản trị và phân loại thành 3 nhóm vai trò, đó là

- a. Nhóm vai trò lãnh đạo, vai trò thông tin, vai trò ra quyết định
- b. Nhóm vai trò tương quan nhân sự, vai trò xử lý các xung đột, vai trò ra quyết định
- c. Nhóm vai trò tương quan nhân sự, vai trò thông tin, vai trò ra quyết định
- d. Nhóm vai trò liên lạc, vai trò phân bổ tài nguyên, vai trò thương thuyết

Câu 34: Hiệu suất của quản trị chỉ có thể khi

- a. Làm đúng việc
- b. Làm việc đúng cách
- c. Chi phí thấp
- d. Tất cả đều sai

Câu 35: Trong quản trị tổ chức, quan trọng nhất là

- a. Làm đúng việc
- b. Làm việc đúng cách
- c. Đạt được lợi nhuận
- d. Chi phí thấp

Câu 36: Trong quản trị tổ chức, quan trọng nhất là

- a. Thực hiện mục tiêu đúng với hiệu suất cao
- b. Làm đúng việc
- c. Đạt được lợi nhuận
- d. Chi phí thấp nhất

Câu 37: Hiệu quả và hiệu suất của quản trị chỉ có thể khi

- a. Làm đúng việc
- b. Làm đúng cách
- c. Tỷ lệ giữa kết quả đạt được/ chi phí bỏ ra cao
- d. Làm đúng cách để đạt được mục tiêu

Câu 38: Nhà quản trị thực hiện vai trò j khi đưa ra quyết định áp dụng công nghệ mới vào sản xuất

- a. Vai trò người thực hiện
- b. Vai trò người đại diện
- c. Vai trò người phân bổ tài nguyên
- d. Vai trò nhà kinh doanh

Câu 39: Nhà quản trị thực hiện vai trò j khi giải quyết vấn đề bất công xảy ra trong doanh nghiệp

- a. Vai trò nhà kinh doanh
- b. Vai trò người giải quyết xáo trộn
- c. Vai trò người thương thuyết
- d. Vai trò người lãnh đạo

Câu 40: Nhà quản trị thực hiện vai trò j khi đàm phán với đối tác về việc tăng đơn giá gia công trong quá trình thảo luận hợp đồng với họ

- a. Vai trò người liên lạc
- b. Vai trò người thương thuyết
- c. Vai trò người lãnh đạo
- d. Vai trò người đại diện

Câu 41: Mối quan hệ giữa khoa học và nghệ thuật quản trị đc diễn đạt rõ nhất trong câu

- a. Khoa học là nền tảng để hình thành nghệ thuật
- b. Trực giác là quan trọng để thành công trong quản trị
- c. Cần vận dụng đúng các nguyên tắc khoa học vào quản trị
- d. **Có mối quan hệ biện chứng giữa khoa học và nghệ thuật quản trị**

Câu 43: Nghệ thuật quản trị có đc từ

- a. Từ cha truyền con nối
- b. Khả năng bẩm sinh
- c. **Trải nghiệm qua thực hành quản trị**
- d. Các chương trình đào tạo

Câu 42: Phát biểu nào sau đây k đúng?

- a. **Trực giác là quan trọng để thành công trong quản trị**
- b. Có mối quan hệ biện chứng giữa khoa học và nghệ thuật quản trị
- c. Cần vận dụng đúng các nguyên tắc khoa học vào quản trị
- d. Khoa học là nền tảng để hình thành nghệ thuật quản trị

Câu 44: Phát biểu nào sau đây k đúng

- a. **Nghệ thuật quản trị k thể học đc**
- b. Có đc từ di truyền
- c. Trải nghiệm qua thực hành quản trị
- d. Khả năng bẩm sinh

ĐÁP ÁN:

- | | |
|-------|-------|
| 1. D | 23. C |
| 2. A | 24. D |
| 3. D | 25. A |
| 4. A | 26. D |
| 5. C | 27. C |
| 6. D | 28. A |
| 7. C | 29. D |
| 8. C | 30. B |
| 9. A | 31. A |
| 10. D | 32. C |
| 11. D | 33. C |
| 12. C | 34. B |
| 13. A | 35. A |
| 14. B | 36. A |
| 15. D | 37. D |
| 16. B | 38. D |
| 17. C | 39. B |
| 18. C | 40. B |
| 19. D | 41. D |
| 20. B | 42. A |
| 21. A | 43. C |
| 22. C | 44. A |

CHƯƠNG II.

Câu 1: Quản trị theo học thuyết Z là

- a. Quản trị theo cách của Mỹ
- b. Quản trị theo cách của Nhật Bản
- c. Quản trị kết hợp theo cách của Mỹ và của Nhật Bản
- d. Các cách hiểu trên đều sai

Câu 3: Tác giả của học thuyết Z là

- a. Người Mỹ
- b. Người Nhật
- c. Người Mỹ gốc Nhật
- d. Một người khác

Câu 5: Điền vào chỗ trống “ trường phái quản trị khoa học quan tâm đến ... lao động thông qua việc hợp lý hóa các bước công việc

- a. Điều kiện
- b. Năng suất
- c. Môi trường
- d. Trình độ

Câu 7: Điểm quan tâm chung giữa các trường phái QT khoa học, QT Hành chính, QT định lượng là

- a. Con người
- b. Năng suất lao động
- c. Cách thức quản trị
- d. Lợi nhuận

Câu 9: Các lý thuyết quản trị cổ điển có hạn chế là

- a. Quan niệm xí nghiệp là 1 hệ thống khép kín
- b. Chưa chú trọng đúng mức đến yếu tố con người
- c. Cả a & b
- d. Cách nhìn phiến diện

Câu 2: Học thuyết Z chú trọng tới

- a. Mọi quan hệ con người trong tổ chức
- b. Vấn đề lương bổng cho người lao động
- c. Sử dụng người dài hạn
- d. Đào tạo đa năng

Câu 4: Tác giả của học thuyết X là

- a. William Ouchi
- b. Frederick Herzberg
- c. Douglas McGregor
- d. Henry Fayol

Câu 6: Điểm quan tâm chung của các trường phái quản trị là

- a. Năng suất lao động
- b. Con người
- c. Hiệu quả
- d. Lợi nhuận

Câu 8: Điền vào chỗ trống “ trường phái tâm lý-xã hội trong quản trị nhấn mạnh đến vai trò của yếu tố tâm lý, quan hệ ... của con người trong xã hội”

- a. Xã hội
- b. Bình đẳng
- c. Đẳng cấp
- d. Lợi ích

Câu 10: Lý thuyết “ Quản trị khoa học” đc xếp vào trường phái quản trị nào

- a. Trường phái tâm lý – xã hội
- b. Trường phái quản trị định lượng
- c. Trường phái quản trị cổ điển
- d. Trường phái quản trị hiện đại

Câu 12: Tư tưởng của trường phái quản trị tổng quát (hành chính) thể hiện qua

- a. 14 nguyên tắc của H.Fayol
- b. 4 nguyên tắc của W.Taylor
- c. 6 phạm trù của công việc quản trị
- d. Mô hình tổ chức quan liêu bàn giấy

Câu 14: Điền vào chỗ trống “ theo trường phái định lượng tất cả các vấn đề quản trị đều có thể giải quyết đc bằng ...”

- a. Mô tả
- b. Mô hình toán
- c. Mô phỏng
- d. Kỹ thuật khác nhau

Câu 16: Trường phái Hội nhập trong quản trị đc xây dựng từ

- a. Sự tích hợp các lý thuyết quản trị trên cơ sở chọn lọc
- b. Trường phái quản trị hệ thống và trường phái ngẫu nhiên
- c. Một số trường phái khác nhau
- d. Quá trình hội nhập kt toàn cầu

Câu 18: Các tác giả nổi tiếng của trường phái tâm lý – xã hội là

- a. Mayo; Maslow; Gregor; Vroom
- b. Simon; Mayo; Maslow; Mayo; Maslow
- c. Maslow; Gregor; Vroom; Gannit
- d. Taylor; Maslow; Gregor; Fayol

Câu 11: Người đưa ra 14 nguyên tắc “ Quản trị tổng quát” là

- a. Frederick W. Taylor (1856 – 1915)
- b. Henry Fayol (1814 – 1925)
- c. Max Weber (1864 – 1920)
- d. Douglas M Gregor (1900 – 1964)

Câu 13: “ Trường phái quản trị quá trình” đc Harold koontz đề ra trên cơ sở tư tưởng của

- a. H. Fayol
- b. M.Weber
- c. R.Owen
- d. W.Taylor

Câu 15: Tác giả của “ Trường phái quản trị quá trình” là

- a. Harold Koontz
- b. Henry Fayol
- c. R.Owen
- d. Max Weber

Câu 17: Mô hình 7’S theo quan điểm của Mckinsey thuộc trường phái quản trị nào

- a. Trường phái quản trị hành chính
- b. Trường phái quản trị hội nhập
- c. Trường phái quản trị hiện đại
- d. Trường phái quản trị khoa học

Câu 19: Nhà nghiên cứu về quản trị đã đưa ra lý thuyết “ tổ chức quan liêu bàn giấy” là

- a. M.Weber
- b. H.Fayol
- c. W.Taylor
- d. E.Mayo

Câu 20: Điền vào chỗ trống “ Theo trường phái định lượng tất cả các vấn đề quản trị đều có thể đc bằng các mô hình toán”

- a. Mô tả
- b. **Giải quyết**
- c. Mô phỏng
- d. Trả lời

Câu 22: Người đưa ra nguyên tắc “ tập trung & phân tán” là

- a. C. Barnard
- b. **H.Fayol**
- c. W.Taylor
- d. Một người khác

Câu 24: Ra quyết định đúng là chìa khóa để đạt hiệu quả quản trị” là quan điểm của trường phái

- a. **Định lượng**
- b. Khoa học
- c. Tổng quát
- d. Tâm lý – xã hội

Câu 26: Người đưa ra nguyên tắc thống nhất chỉ huy là

- a. M.Weber
- b. **H.Fayol**
- c. C.Barnard
- d. Một người khác

Câu 28: Trường phái “ quá trình quản trị” đc đề ra bởi

- a. **Harold Koontz**
- b. Herry Fayol
- c. Winslow Taylor
- d. Tất cả đều sai

Câu 21: Người đưa ra nguyên tắc “ tổ chức công việc khoa học” là

- a. **W.Taylor**
- b. H.Fayol
- c. C. Barnard
- d. Một người khác

Câu 23: “Năng suất lao động là chìa khóa để đạt hiệu quả quản trị” là quan điểm của trường phái

- a. Tâm lý – xã hội trong quản trị (*)
- b. Quản trị khoa học (**)
- c. **Cả (*) & (**)**
- d. Quản trị định lượng

Câu 25: Các lý thuyết quản trị cổ điển

- a. Không còn đúng trong quản trị hiện đại
- b. Còn đúng trong quản trị hiện đại
- c. Còn có giá trị trong quản trị hiện đại
- d. **Cần phân tích để vận dụng linh hoạt**

Câu 27: Nguyên tắc thẩm quyền (quyền hạn) và trách nhiệm đc đề ra bởi

- a. Herbert Simont
- b. M.Weber
- c. Winslow Taylor
- d. **Henry Fayol**

Câu 29: Người đưa ra khái niệm về “ quyền hành thực tế” là

- a. Faylo
- b. **Weber**
- c. Simon
- d. Một người khác

Câu 30: Các yếu tố trong mô hình 7'S của McKíney là:

- a. Chiến lược; cơ cấu; hệ thống; tài chính; kỹ năng; nhân viên; mục tiêu phối hợp
- b. Chiến lược; hệ thống; mục tiêu phối hợp; phong cách; công nghệ; tài chính; nhân viên
- c. Chiến lược; kỹ năng; mục tiêu phối hợp; cơ cấu; hệ thống; nhân viên; phong cách
- d. Chiến lược; cơ cấu; hệ thống; đào tạo; mục tiêu; kỹ năng; nhân viên

Câu 31: Đại diện tiêu biểu của “ Trường phái quản trị quá trình” là:

- a. Harold Koontz
- b. Henry Fayol
- c. Robert Owen
- d. Max Weber

Đáp án:

- | | |
|-------|-------|
| 1. C | 17. C |
| 2. A | 18. A |
| 3. C | 19. A |
| 4. A | 20. B |
| 5. B | 21. A |
| 6. C | 22. B |
| 7. B | 23. C |
| 8. A | 24. A |
| 9. C | 25. D |
| 10. C | 26. B |
| 11. B | 27. D |
| 12. A | 28. A |
| 13. A | 29. B |
| 14. B | 30. C |
| 15. A | 31. A |
| 16. A | |

Chương 3: MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Trắc nghiệm:

Câu 1: Phân tích mt hoạt động của tổ chức nhằm:

- a) Xác định cơ hội & nguy cơ
- b) Xác định điểm mạnh & điểm yếu
- c) **Phục vụ cho việc ra quyết định**
- d) Để có thông tin

Câu 3: Các biện pháp kiểm chế lạm phát nền kt là tác động của mt:

- a) **Tổng quát**
- b) Ngành
- c) Bên ngoài
- d) Nội bộ

Câu 5: Mt tác động đến doanh nghiệp và:

- a) Tạo các cơ hội cho doanh nghiệp
- b) **Có ảnh hưởng đến quyết định và chiến lược hoạt động của doanh nghiệp**
- c) Tác động đến phạm vi hoạt động của doanh nghiệp
- d) Tạo các đe dọa đối với doanh nghiệp

Câu 7: Nghiên cứu yếu tố ds là cần thiết để doanh nghiệp:

- a) Xác định cơ hội thị trường
- b) Xác định nhu cầu thị trường
- c) **Ra quyết định kinh doanh**
- d) Các định chiến lược sp

Câu 9: Việc điều chỉnh trần lại suất huy động tiết kiệm là yếu tố tác động từ yếu tố:

- a) Kinh tế
- b) **Chính trị và luật pháp**
- c) Của mt ngành
- d) Nhà cung cấp

Câu 11: Kỹ thuật phân tích Swot đc dùng để:

- a) Xác định điểm mạnh-yếu của doanh nghiệp
- b) Xác định cơ hội-đe dọa đến doanh nghiệp
- c) **Xác định các phương án kết hợp từ kết quả phân tích mt để xây dựng chiến lược**
- d) Tổng hợp các thông tin từ phân tích mt

Câu 12: Phân tích đối thủ cạnh tranh là phân tích yếu tố của mt:

- a) Tổng quát
- b) **Ngành**
- c) Bên ngoài
- d) Tất cả đều sai

Câu 14: Xu hướng của tỉ giá là yếu tố:

- a) Chính phủ và chính trị
- b) **Kinh tế**
- c) Của mt tổng quát
- d) Của mt ngành

Câu 2: MT ảnh hưởng đến h.động của 1 doanh nghiệp bao gồm:

- a) Mt bên trong và bên ngoài
- b) Mt vĩ mô, vi mô và nội bộ
- c) Mt tổng quát, ngành và nội bộ
- d) **Mt toàn cầu, tổng quát, ngành và nội bộ**

Câu 4: Nhà quản trị cần phân tích mt để:

- a) Có thông tin
- b) Lập kế hoạch kinh doanh
- c) Phát triển thị trường
- d) **Đề ra quyết định kinh doanh**

Câu 6: Khoa học và công nghệ phát triển nhanh đem lại cho doanh nghiệp:

- a) Nhiều cơ hội
- b) Nhiều cơ hội hơn là thách thức
- c) Nhiều thách thức
- d) **Tất cả điều chưa chính xác**

Câu 8: Nhân viên giỏi rời bỏ d.nghiệp đến nơi khác, đó là yếu tố nào t.động đến d.nghiệp?

- a) Yếu tố ds
- b) Yếu tố Xh
- c) **Yếu tố nhân lực**
- d) Yếu tố văn hóa

Câu 10: Chính sách phúc lợi xh là yếu tố thuộc:

- a) Mt tổng quát
- b) Xã hội
- c) **Yếu tố 9 sách và pháp luật**
- d) Yếu tố ds

Câu 13: Giá dầu thô trên thị trường thế giới tăng là ảnh hưởng của mt:

- a) **Toàn cầu**
- b) Ngành
- c) Tổng quát
- d) Tất cả đều sai

Câu 15: Các biến động trên thị trường chứng khoán là yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp từ:

- a) Mt ngành
- b) Mt đặc thù
- c) **Yếu tố kt**
- d) Mt tổng quát

Câu 16: Với doanh nghiệp, việc nghiên cứu mt là công việc phải làm của:

- a) Giám đốc doanh nghiệp
- b) Các nhà chuyên môn
- c) Khách hàng
- d) **Tất cả các nhà quản trị**

Câu 18: Tác động của sở thích theo nhóm tuổi đối với sp của doanh nghiệp là yếu tố thuộc về:

- a) Kinh tế
- b) **Dân số**
- c) Chính trị xh
- d) Văn hóa

Câu 20: "Mức tăng trưởng của nền kt giảm sút" ảnh hưởng đến doanh nghiệp là yếu tố:

- a) Chính trị
- b) **Kinh tế**
- c) Xã hội
- d) Của mt tổng quát

Câu 22: Lãi suất huy động tiết kiệm của ngân hàng là tác động đến doanh nghiệp từ yếu tố:

- a) Chính trị và pháp luật
- b) **Kinh tế**
- c) Nhà cung cấp
- d) Tài chính

Câu 24: Sự kiện sữa nhiễm chất melamina của các doanh nghiệp sx sữa, ảnh hưởng đến:

- a) Công nghệ
- b) Xã hội
- c) Dân số
- d) **Khách hàng**

Câu 26: Nghiên cứu yếu tố xh là cần thiết để doanh nghiệp:

- a) Phân tích dự đoán sự thay đổi nhu cầu tiêu dùng
- b) Nhận ra sự thay đổi thói quen tiêu dùng
- c) Nhận ra những vấn đề xh quan tâm
- d) **Ra quyết định kinh doanh**

Câu 28: Phân tích môi trường ngành giúp doanh nghiệp:

- a) Xác định những thuận lợi và khó khăn đối với doanh nghiệp
- b) Nhận dạng khách hàng
- c) **Xác định các áp lực cạnh tranh**
- d) Nhận diện đối thủ cạnh tranh

Câu 29: Yếu tố nào thuộc mt ngành (vi mô)

- a) Doanh số của công ty bị giảm
- b) Sự xuất hiện 1 sp mới trên thị trường
- c) Chiến tranh vùng Vịnh
- d) **Bãi công xảy ra trong doanh nghiệp**

Câu 17: Điền vào chỗ trống "khi nghiên cứu mt cần nhận diện các yếu tố tác động và của các yếu tố đó"

- a) Sự nguy hiểm
- b) Khả năng xuất hiện
- c) **Mức độ ảnh hưởng**
- d) Sự thay đổi

Câu 19: Sự điều tiết vĩ mô nền kt VN thông qua các 9 sách kt, tài 9. Đó là tác động đến doanh nghiệp từ:

- a) Mt tổng quát
- b) Mt ngành
- c) Yếu tố kt
- d) **Yếu tố 9 trị và pháp luật**

Câu 21: Người dân ngày càng quan tâm hơn đến chất lượng cuộc sống là sự t.động từ yếu tố:

- a) Kinh tế
- b) Chính trị-pháp luật
- c) **Xã hội**
- d) Dân số

Câu 23: Chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ là tác động từ yếu tố:

- a) **Chính trị và pháp luật**
- b) Kinh tế
- c) Nhà cung cấp
- d) Tài chính

Câu 25: Môi trường tác động đến doanh nghiệp và ảnh hưởng mạnh nhất đến:

- a) Cơ hội thị trường cho doanh nghiệp
- b) **Quyết định về chiến lược hoạt động của doanh nghiệp**
- c) Đến phạm vi hoạt động của doanh nghiệp
- d) Đe dọa về doanh số của doanh nghiệp

Câu 27: Các biện pháp nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới là tác động của nhóm yếu tố:

- a) Tổng quát
- b) Ngành
- c) **Chính trị và luật pháp**
- d) Kinh tế

Câu 30: Môi trường hoạt động của 1 tổ chức gồm:

- a) Mt tổng quát
- b) Mt ngành
- c) Mt (hoàn cảnh) nội bộ
- d) **Tất cả các câu trên**

Câu 31: Yếu tố nào KHÔNG thuộc môi trường tổng quát:

- a) Giá vàng nhập khẩu tăng cao
- b) Phản ứng của người tiêu dùng đối việc gây ô nhiễm mt của công ty Vedan
- c) Chính sách lại suất tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp
- d) Thị trường chứng khoán trong nước đang hồi phục

Câu 32: Đại dịch H5N1 và H1N1 là yếu tố thuộc

- a) Mt công nghệ
- b) Mt tự nhiên
- c) Mt xã hội
- d) Mt kt-xh

Đáp án:

- 1. c
- 2. d
- 3. a
- 4. d
- 5. b
- 6. d
- 7. c
- 8. c
- 9. b
- 10. c
- 11. c
- 12. b
- 13. a
- 14. b
- 15. c
- 16. d
- 17. c
- 18. b
- 19. d
- 20. b
- 21. c
- 22. b
- 23. a
- 24. d
- 25. b
- 26. d
- 27. c
- 28. c
- 29. d
- 30. b
- 31. b
- 32. b

CHƯƠNG 4: QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ

Câu 1: Ra quyết định là:

- a) Công việc của các nhà quản trị cấp cao
- b) Lựa chọn 1 giải pháp cho vấn đề đã xác định**
- c) Một công việc mang tính nghệ thuật
- d) Tất cả điều sai

Câu 3: Câu nào là sai

- a) Ra quyết định phụ thuộc hoàn toàn vào ý muốn chủ quan của nhà quản trị**
- b) Ra quyết định mang tính khoa học và nghệ thuật
- c) Việc ra quyết định rất cần dựa vào kinh nghiệm
- d) Cần nắm vững lý thuyết ra quyết định

Câu 5: Qui trình ra quyết định gồm:

- a) Xác định vấn đề và ra quyết định
- b) Chọn phương án tốt nhất và ra quyết định
- c) Thảo luận với những người khác và ra quyết định
- d) Nhiều bước khác nhau**

Câu 7: Bước khó khăn nhất của 1 quá trình ra quyết định là:

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá
- b) Tìm kiếm các phương án
- c) Nhận diện vấn đề cần giải quyết**
- d) Tìm kiếm thông tin

Câu 9: Tính KH của quản trị thể hiện rõ nét nhất trong quá trình ra quyết định ở bước

- a) Tìm kiếm thông tin
- b) Xác định phương án tối ưu
- c) Nhận diện vấn đề cần giải quyết
- d) Tất cả đều chưa chính xác**

Câu 11: Bước thứ 4 của quá trình ra quyết định là

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá
- b) Tìm kiếm các phương án
- c) Đánh giá các phương án**
- d) Nhận diện vấn đề

Câu 13: Hiệu quả của quyết định phụ thuộc vào

- a) Nắm vững các bước của quá trình ra quyết định
- b) Vận dụng nhuần nhuyễn các bước của quá trình ra quyết định
- c) Bảo đảm đầy đủ các điều kiện thực hiện quyết định
- d) Tất cả điều đúng**

Câu 2: Ra quyết định là 1 hoạt động

- a) Nhờ vào trực giác
- b) Mang tính KH và nghệ thuật**
- c) Nhờ vào kinh nghiệm
- d) Tất cả điều chưa 9 xác

Câu 4: Ra quyết định quản trị nhằm:

- a) Chọn phương án tốt nhất và ra quyết định**
- b) Thảo luận với những người khác và ra quyết định
- c) Giải quyết 1 vấn đề
- d) Tìm phương án để giải quyết vấn đề

Câu 6: Bước đầu tiên trong quy trình ra quyết định là:

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá
- b) Tìm kiếm các phương án
- c) Nhận diện vấn đề cần giải quyết**
- d) Xác định mục tiêu

Câu 8: Tính nghệ thuật của quản trị thể hiện rõ nét nhất trong quá trình ra quyết định ở bước

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn
- b) Tìm kiếm thông tin
- c) So sánh các phương án
- d) Tất cả đều chưa chính xác**

Câu 10: Bước thứ hai của quá trình ra quyết định là

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá**
- b) Tìm kiếm các phương án
- c) Nhận diện vấn đề
- d) Tìm kiếm thông tin

Câu 12: Bước thứ 5 của quá trình ra quyết định là

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá
- b) Tìm kiếm các phương án
- c) Đánh giá các phương án
- d) Chọn phương án tối ưu**

Câu 14: Quá trình ra quyết định gồm

- a) 5 bước
- b) 4 bước
- c) 7 bước
- d) 6 bước

Câu 16: Lựa chọn mô hình ra quyết định phụ thuộc vào

- a) Tính cách nhà quản trị
- b) Ý muốn của đa số nhân viên
- c) Năng lực nhà quản trị
- d) Nhiều yếu tố khác nhau

Câu 18: Nhà quản trị nên

- a) Chọn mô hình ra quyết định đã thành công trước đó
- b) Xem xét nhiều yếu tố để lựa chọn mô hình ra quyết định phù hợp
- c) Sử dụng mô hình tham vấn để ra quyết định
- d) Sử dụng mô hình "ra quyết định tập thể" vì đây là mô hình tốt nhất

Câu 20: Ra quyết định nhóm

- a) Luôn luôn mang lại hiệu quả cao
- b) Ít khi mang lại hiệu quả cao
- c) Mang lại hiệu quả cao nhất trong những điều kiện phù hợp nhất định
- d) Tồn kém thời gian

Câu 22: Các chức năng của quyết định quản trị bao gồm

- a) Hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra
- b) Định hướng, bảo đảm, phối hợp, bắt buộc
- c) Định hướng, khoa học, thống nhất, linh hoạt
- d) Khoa học, định hướng, bảo đảm, đúng lúc

Câu 24: Hình thức ra quyết định có tham vấn là

- a) Trao đổi với người khác trước khi ra quyết định
- b) Thu thập thông tin từ cấp dưới trước khi ra quyết định
- c) Dựa vào ý kiến số đông để ra quyết định
- d) Dựa trên sự hiểu biết cá nhân để ra quyết định

Câu 26: Quyết định quản trị là

- a) Sự lựa chọn của nhà quản trị
- b) Mệnh lệnh của nhà quản trị
- c) Ý tưởng của nhà quản trị

Câu 15: Ra quyết định là 1 công việc

- a) Của nhà quản trị
- b) Mang tính nghệ thuật
- c) Vừa mang tính KH và vừa mang tính nghệ thuật
- d) Tất cả điều sai

Câu 17: Ra quyết định theo phong cách độc đoán sẽ

- a) Không có lợi trong mọi trường hợp
- b) Không đc cấp dưới ủng hộ khi thực thi quyết định
- c) Gặp sai lầm trong giải quyết vấn đề
- d) Không phát huy đc tính sáng tạo của nhân viên trong quá trình ra quyết định

Câu 19: Trong trường hợp cấp bách, nhà quản trị nên

- a) Chọn mô hình " độc đoán"
- b) Sử dụng mô hình " ra quyết định tập thể"
- c) Chọn cách thương lượng để ra quyết định
- d) Sử dụng hình thức " tham vấn"

Câu 21: Quyết định quản trị đề ra phải thỏa mãn

- a) 5 yêu cầu
- b) 6 yêu cầu
- c) 4 yêu cầu
- d) 7 yêu cầu

Câu 23: Để giải quyết đc vấn đề, nhà quản trị cần

- a) Chú trọng đến khâu ra quyết định (*)
- b) Chú trọng đến khâu thực hiện quyết định (**)
- c) Chú trọng đến cả (*) và (**)
- d) Chú trọng đến khâu ra quyết định nhiều hơn

Câu 25: Kỹ thuật nào nên áp dụng khi thảo luận đề nhận dạng vấn đề

- a) Phương pháp động não (brain storming)
- b) Phương pháp phân tích SWOT
- c) Phương pháp bảng mô tả vấn đề
- d) Tất cả điều sai

Câu 27: Bước 3 của quá trình ra quyết định quản trị là

- a) Tìm kiếm các phương án
- b) Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phương án

c) Thu thập thông tin

d) Đánh giá các phương án

Câu 28: Bước thứ 6 của quá trình ra quyết định là

- a) Ra quyết định và thực hiện
- b) Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phương án
- c) Lựa chọn phương án tối ưu
- d) Đánh giá các phương án

Đáp án:

- | | |
|-------|-------|
| 1. B | 15. C |
| 2. B | 16. D |
| 3. A | 17. D |
| 4. A | 18. B |
| 5. D | 19. A |
| 6. C | 20. C |
| 7. C | 21. B |
| 8. D | 22. B |
| 9. D | 23. C |
| 10. A | 24. A |
| 11. C | 25. A |
| 12. D | 26. D |
| 13. D | 27. A |
| 14. D | 28. A |

CHƯƠNG 5 :

Câu 1: Hoạch định là

- a) **Xác định mục tiêu và các biện pháp thực hiện mục tiêu**
- b) Xây dựng các kế hoạch dài hạn
- c) Xây dựng các kế hoạch hằng năm
- d) Xây dựng kế hoạch cho hoạt động của toàn công ty

Câu 2 : Xây dựng mục tiêu theo kiểu truyền thống là những mục tiêu được xác định

- a) **Áp đặt từ cấp cao**
- b) Từ khách hàng
- c) Theo nhu cầu thị trường
- d) Từ cấp dưới

Câu 3 : Xây dựng mục tiêu theo kiểu MBO là những mục tiêu được đặt ra theo cách

- a) Từ cấp cao
- b) Từ cấp dưới
- c) **Cấp trên định hướng và cùng cấp dưới đề ra mục tiêu**
- d) Mục tiêu trở thành cam kết

Câu 4 : “Hoạch định nhằm xác định mục tiêu cần đạt được và đề ra.....hành động để đạt mục tiêu trong từng khoảng nhất định”

- a) Quan điểm
- b) **Giải pháp**
- c) Giới hạn
- d) Ngân sách

Câu 5 : “Kế hoạch đơn dụng là những cách thức hành động.....trong tương lai”

- a) **Không lặp lại**
- b) Ít phát sinh
- c) Xuất hiện
- d) Ít xảy ra

Câu 6 : “Kế hoạch đa dụng là những cách thức hành động đã được tiêu chuẩn hóa để giải quyết những tình huống.....và có thể lường trước”

- a) Ít xảy ra
- b) **Thường xảy ra**
- c) Phát sinh
- d) Xuất hiện

Câu 7 : MBO hiện nay được quan niệm là:

- a) Phương pháp đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ
- b) Phương pháp đánh giá mục tiêu quản trị
- c) Công cụ xây dựng kế hoạch chiến lược
- d) **Tất cả đều sai**

Câu 8 : “Đặc tính của MBO là mỗi thành viên trong tổ chức.....ràng buộc và.....hành động trong suốt quá trình quản trị”

- a) Cam kết ; tự nguyện
- b) Chấp nhận ; tích cực
- c) Tự nguyện ; tích cực
- d) **Tự nguyện ; cam kết**

Câu 9 : Mục tiêu trong hoạt động quản trị nên được xây dựng

- a) Có tính tiên tiến
- b) Có tính kế thừa
- c) Định tính và định lượng
- d) **Không có câu nào chính xác**

Câu 10 : Kế hoạch đã được duyệt của 1 tổ chức có vai trò

- a) Định hướng cho tất cả các hoạt động của tổ chức
- b) Làm cơ sở cho sự phối hợp giữa các đơn vị, các bộ phận trong công ty
- c) Làm căn cứ cho việc kiểm soát các hoạt động của tổ chức
- d) **Các vai trò trên**

Câu 11 : Chọn câu trả lời đúng nhất

- a) **Hoạch định là công việc bắt đầu và quan trọng nhất của quá trình quản trị**
- b) Hoạch định chỉ mang tính hình thức
- c) Hoạch định khác xa với thực tế
- d) Hoạch định cần phải chính xác tuyệt đối

Câu 12 : Mục tiêu của công ty bị ảnh hưởng bởi

- a) Nguồn lực của công ty
- b) Quan điểm của lãnh đạo
- c) Các đối thủ cạnh tranh
- d) **Không có câu nào chính xác**

Câu 13 : Các kế hoạch tác nghiệp thuộc loại “kế hoạch thường trực” là

- a) Các dự án
- b) Các hoạt động được tiêu chuẩn hóa để giải quyết tình huống hay lặp lại
- c) Các chính sách, thủ tục, quy định
- d) **Cả 2 câu b và c đúng**

Câu 14 : Các kế hoạch tác nghiệp thuộc loại “kế hoạch đơn dụng” là

- a) Dự án chương trình
- b) Chương trình, dự án, dự toán ngân sách
- c) Các quy định, thủ tục
- d) Các chính sách, thủ tục

Câu 15 : Quản trị bằng mục tiêu MBO giúp

- a) Động viên khuyến khích nhân viên cấp dưới tốt hơn
- b) Tăng tính chủ động sáng tạo của nhân viên cấp dưới
- c) Góp phần đào tạo và huấn luyện nhân viên cấp dưới
- d) **Các lợi ích trên đều đúng**

Câu 16 : Các yếu tố căn bản của quản trị bằng mục tiêu MBO gồm

- a) **Sự cam kết của nhà quản trị cấp cao, sự hợp tác của các thành viên, tính tự quản, tổ chức kiểm soát định kì**

- b) Các nguồn lực đảm bảo, sự cam kết của các nhà quản trị cấp cao, sự hợp tác của các thành viên, sự tự nguyện
- c) Nhiệm vụ ổn định, trình độ nhân viên, sự cam kết của nhà quản trị cấp cao, tổ chức kiểm soát định kì
- d) Tất cả đều sai
- Câu 17 : Khi thực hiện quản trị bằng mục tiêu MBO
- a) Quy trình thực hiện công việc là quan trọng nhất
- b) Kết quả là quan trọng nhất**
- c) Bao gồm a và b
- d) Cả 3 đều sai
- Câu 18 : Khi thực hiện quản trị bằng mục tiêu MBO nhà quản trị
- a) Cần kiểm tra tiến triển công việc theo định kì
- b) Không cần kiểm tra
- c) Chỉ kiểm tra khi cần thiết
- d) Cần kiểm tra định kì và kiểm tra đột xuất tiến triển công việc**
- Câu 19 : Mục tiêu nào sau đây được diễn đạt tốt nhất
- a) Xây dựng thêm 6 siêu thị trong giai đoạn tới
- b) Đạt danh số gấp 2 lần vào cuối năm
- c) Nâng mức thu nhập bình quân của nhân viên bán hàng lên 5 triệu/1 tháng vào năm 2011**
- d) Tuyển thêm lao động
- Câu 20 : Mục tiêu nào sau đây được diễn đạt tốt nhất
- a) Đạt doanh số 5 tỷ trong năm 2010**
- b) Tăng doanh số nhanh hơn kì trước
- c) Phát triển thị trường lên 2%
- d) Thu nhập bình quân của người lao động là 3tr/tháng
- Câu 21 : Phát biểu nào sau đây là đúng nhất
- a) Hoạch định lun khác xa với thực tế
- b) Đôi khi hoạch định chỉ mang tính hình thức
- c) Các dự báo là cơ sở quan trọng của hoạch định
- d) Mục tiêu-nền tảng của hoạch định**
- Câu 22 : Bước đầu tiên của quá trình hoạch định là
- a) Xác định mục tiêu**
- b) Phân tích kết quả hoạt động trong quá khứ
- c) Xác định những thuận lợi và khó khăn
- d) Phân tích ảnh hưởng của môi trường
- Câu 23 : Sự khác biệt căn bản nhất giữa hoạch định chiến lược và hoạch định tác nghiệp là
- a) Độ dài thời gian
- b) Nội dung và thời gian thực hiện**
- c) Cấp quản trị tham gia vào hoạch định
- d) Không câu nào đúng
- Câu 24 : Theo Michael E.Porter, các chiến lược cạnh tranh tổng thể của doanh nghiệp là
- a) Dẫn giá, khác biệt hóa, tấn công
- b) Dẫn giá, khác biệt hóa, tập trung**
- c) Tập trung, dẫn giá, tấn công sườn
- d) Giá thấp, giá cao, giá trung bình
- Câu 25 : Các giai đoạn phát triển của 1 tổ chức
- a) Khởi đầu, tăng trưởng, chín muồi, suy yếu
- b) Sinh, lão, bệnh, tử
- c) Phôi thai, phát triển, trưởng thành, suy thoái**
- d) Thâm nhập, tham gia, chiếm lĩnh, rời khỏi

ĐÁP ÁN

1. A
2. A
3. C
4. B
5. A
6. B
7. D
8. D
9. D
10. D
11. A
12. D
13. D
14. B
15. D
16. A
17. B
18. D
19. C
20. A
21. D
22. A
23. B
24. B
25. C

ĐÁP ÁN

- 26. A
- 27. A
- 28. C
- 29. B
- 30. A
- 31. B
- 32. D
- 33. D
- 34. D
- 35. D
- 36. A
- 37. D
- 38. D
- 39. B
- 40. D
- 41. A
- 42. B
- 43. D
- 44. C
- 45. A
- 46. D
- 47. A
- 48. B
- 49. B
- 50. C

CHƯƠNG 6

Câu 1 : Xây dựng cơ cấu tổ chức là

- a) Xác định các bộ phận (đơn vị)
- b) Xác lập các mối quan hệ ngang giữa các đơn vị hoặc bộ phận
- c) Xác lập các mối quan hệ trong của tổ chức
- d) **Tất cả đều đúng**

Câu 2 : Các doanh nghiệp nên lựa chọn

- a) Cơ cấu tổ chức theo chức năng
- b) Cơ cấu tổ chức theo trực tuyến
- c) Cơ cấu tổ chức theo trực tuyến-chức năng
- d) **Cơ cấu tổ chức phù hợp**

Câu 3 : Xác lập cơ cấu tổ chức trước hết phải căn cứ vào

- a) **Chiến lược của công ty**
- b) Quy mô của công ty
- c) Đặc điểm ngành nghề
- d) Nhiều yếu tố khác nhau

Câu 4 : Doanh nghiệp qui mô lớn đòi hỏi chuyên môn hóa cao không nên sử dụng

- a) Cơ cấu trực tuyến-chức năng
- b) Cơ cấu chức năng
- c) Cơ cấu ma trận
- d) **Cơ cấu trực tuyến**

Câu 5 : Doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh cao, tình hình sản xuất-kinh doanh nhiều biến động, nguồn lực khan hiếm, khách hàng thay đổi, nên chọn

- a) Cơ cấu trực tuyến
- b) **Cơ cấu ma trận**
- c) Cơ cấu trực tuyến-chức năng
- d) Cơ cấu trực tuyến-tham mưu

Câu 6 : Doanh nghiệp qui mô nhỏ, hoạt động đơn giản và ổn định nên sử dụng

- a) **Cơ cấu trực tuyến**
- b) Cơ cấu trực tuyến-chức năng
- c) Cơ cấu ma trận
- d) Cơ cấu trực tuyến-tham mưu

Câu 7 : Các mối quan hệ trong cơ cấu trực tuyến-chức năng gồm

- a) Trực tuyến
- b) Chức năng
- c) Tham mưu
- d) **Cả 3 yếu tố trên**

Câu 8 : Nguyên nhân thường gặp nhất khiến các nhà quản trị không muốn phân quyền là do

- a) Năng lực của cấp dưới kém
- b) **Thiếu lòng tin vào cấp dưới**
- c) Sợ cấp dưới là sai
- d) Sợ mất time

Câu 9 : Lý do chính yếu khiến nhà quản trị nên phân quyền là

- a) Giảm bớt được gánh nặng của công việc
- b) Đào tạo kế cận
- c) **Có time để tập trung vào công việc chính yếu**
- d) Tạo sự nỗ lực ở nhân viên

Câu 10 : Ủy quyền sẽ thành công khi

- a) Cấp dưới có trình độ
- b) Chú trọng tới kết quả
- c) Gắn liền quyền hạn với trách nhiệm
- d) **Chọn đúng việc đúng người để ủy quyền**

Câu 11 : Điền vào chỗ trống “ Tầm hạn quản trị là.....bộ phận, cá nhân dưới quyền mà một nhà quản trị có khả năng điều hành hữu hiệu nhất

- a) Cấu trúc
- b) Qui mô
- c) **Số lượng**
- d) Giới hạn

Câu 12 : Lợi ích của ủy quyền là

- a) **Giảm áp lực công việc nhờ đó nhà quản trị tập trung thời gian vào những việc chính yếu**
- b) Giảm được gánh nặng của trách nhiệm
- c) Tăng cường được thiện cảm của cấp dưới
- d) Tránh được những sai lầm đáng có

Câu 13 : Tầm hạn quản trị rộng hay hẹp phụ thuộc vào

- a) Trình độ của nhà quản trị
- b) Trình độ của nhân viên
- c) Công việc phải thực hiện
- d) **Tất cả ý trên**

Câu 14 : Mối quan hệ giữa tầm hạn quản trị và số bậc trung gian trong bộ máy quản lý là

- a) Tỷ lệ thuận
- b) **Tỷ lệ nghịch**
- c) Không có mối quan hệ
- d) Tất cả đều sai

Câu 15 : Doanh nghiệp có quy mô rất nhỏ nên áp dụng mô hình cơ cấu tổ chức nào

- a) Trực tuyến-chức năng
- b) **Trực tuyến**
- c) Chức năng
- d) Ma trận

Câu 16 : Quyền hành hợp pháp của nhà quản trị

- a) Có được từ chức vụ
- b) Có được từ uy tín cá nhân
- c) Tùy thuộc cấp bậc của nhà quản trị
- d) **Từ sự quy định của tổ chức**

Câu 17 : Phân quyền trong quản trị là chuyển giao quyền lực từ cấp trên xuống cấp dưới trong những

- a) **Giới hạn nhất định**
- b) Thời gian nhất định
- c) Qui chế nhất định
- d) Cấu trúc nhất định

Câu 18 : Nguyên tắc quan trọng nhất trong việc xây dựng bộ máy quản lý của một tổ chức là

- a) **Gắn với mục tiêu và chiến lược hoạt động**
- b) Phải dựa vào các nguồn lực của tổ chức
- c) Phải xuất phát từ quy mô và đặc điểm của lĩnh vực hoạt động
- d) Phải nghiên cứu môi trường

- Câu 19 :** Mức độ phân quyền càng lớn khi
- a) Phần lớn các quyết định được đề ra ở cấp cao
 - b) Phần lớn các quyết định được đề ra ở cấp cơ sở
 - c) **Các cấp quản trị thấp hơn được đề ra nhiều loại quyết định**
 - d) Tất cả đúng

Câu 20 : Số lượng nhân viên (cấp dưới) mà một nhà quản trị có thể trực tiếp điều khiển công việc một cách hiệu quả là

- a) Định mức quản trị
- b) **Tầm hạn quản trị**
- c) Khâu quản trị
- d) Gồm a và b

Câu 21 : Ưu điểm của mô hình cơ cấu tổ chức theo chức năng là

- a) **Sử dụng được các chuyên gia giỏi**
- b) Tôn trọng nguyên tắc thống nhất chỉ huy
- c) Dễ tốn chi phí
- d) Các bộ phận dễ dàng phối hợp với nhau

Câu 22 : Nhược điểm của mô hình tổ chức theo chức năng là

- a) Vi phạm nguyên tắc thống nhất chỉ huy
- b) Chế độ trách nhiệm không rõ ràng
- c) Khó đào tạo và tìm kiếm nhà quản trị đáp ứng nhu cầu của mô hình này
- d) **Cả a và b**

Câu 23 : Ưu điểm của mô hình cơ cấu tổ chức trực tuyến-chức năng là

- a) Đảm bảo chế độ 1 thủ trưởng
- b) Chế độ trách nhiệm rõ ràng
- c) Sử dụng được chuyên gia giỏi
- d) **Tất cả đều đúng**

Câu 24 : Ưu điểm của mô hình tổ chức theo ma trận

- a) **Tổ chức linh động**
- b) Tôn trọng nguyên tắc thống nhất chỉ huy
- c) Cơ cấu tổ chức đơn giản
- d) **Cả a và b đúng**

ĐÁP ÁN : 1.D 2.D 3.A 4.D 5.B 6.A 7.D 8.B 9.C
10.D 11.C 12.A 13.D 14.B 15.B 16.D 17.A 18.A 19.C
20.B 21.A 22.D 23.D 24.A

CHƯƠNG 8

Câu 1: Kiểm soát là quá trình

- a. Rà soát việc thực hiện công việc của cấp dưới
- b. **Xác lập tiêu chuẩn, đo lường kq, phát hiện sai lệch và đưa ra biện pháp điều chỉnh**
- c. Phát hiện sai sót của nhân viên và thực hiện biện pháp kỷ luật
- d. Tổ chức định kỳ hàng tháng

Câu 2: Phát biểu nào sau đây k đúng

- a. **Kiểm soát trong khi thực hiện để lường trước rủi ro và khó khăn**
- b. Kiểm soát sau khi thực hiện là kiểm soát phản hồi
- c. Kiểm soát lường trước giúp ngăn ngừa bất trắc, chủ động khi thực hiện
- d. K có câu nào đúng

Câu 3: Nhà quản trị chỉ cần thực hiện kiểm soát

- a. Sau khi hoàn thành kế hoạch
- b. Trong khi thực hiện kế hoạch
- c. Trước khi thực hiện kế hoạch
- d. **K có câu nào hoàn toàn 9 xác**

Câu 4: Kiểm soát là chức năng đc thực hiện

- a. **Đan xen vào tất cả các chức năng khác của quản trị**
- b. Sau khi đã hoạch định và tổ chức công việc
- c. Khi có vấn đề bất thường
- d. Để đánh giá kq

Câu 5: Mối quan hệ giữa hoạch định và kiểm soát

- a. Kiểm soát giúp điều chỉnh kế hoạch hợp lý và kịp thời
- b. Kiểm soát giúp phát hiện những sai lệch giữa thực hiện và kế hoạch
- c. Mục tiêu trong kế hoạch là tiêu chuẩn kiểm soát
- d. **Tất cả quan niệm trên đều đúng**

Câu 6: Trong công tác kiểm soát nhà quản trị nên

- a. **Phân cấp và khuyến khích sự tự giác của mỗi bộ phận và mỗi người**
- b. Giao hoàn toàn cho cấp dưới tự kiểm soát
- c. Tự thực hiện trực tiếp các công tác kiểm soát
- d. Để mọi cái tự nhiên, k cần kiểm soát

Câu 7: Phát biểu nào sau đây k đúng

- a. Mục tiêu đề ra trong hoạch định là tiêu chuẩn kiểm soát
- b. Kiểm soát là 1 hệ thống phản hồi
- c. **Kiểm soát là chức năng độc lập với các chức năng khác**
- d. Cần kiểm soát trong quá trình thực hiện

Câu 8: Xây dựng cơ chế kiểm tra theo Koontz và O'Donnell cần đảm bảo

- a. 5 nguyên tắc
- b. 8 nguyên tắc
- c. **7 nguyên tắc**
- d. 4 nguyên tắc

Câu 9: Theo H.Koontz và O'Donnell “ Cơ chế kiểm soát cần phải đc thiết kế trên và căn cứ theo cấp bậc của đối tượng đc kiểm soát”

- a. **Kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp**
- b. Các hoạt động của doanh nghiệp
- c. Văn hóa doanh nghiệp
- d. Cơ sở khách quan

Câu 10: Phát biểu nào sau đây k đúng

- a. Kiểm soát là 1 quá trình
- b. Kiểm soát cần thực hiện đối với tất cả các hoạt động của doanh nghiệp
- c. Cần kiểm soát trong quá trình thực hiện
- d. **Kiểm soát chỉ cần thực hiện ở giai đoạn cuối cùng của quá trình quản trị**

Câu 11: Một hệ thống kiểm soát tốt phải bao gồm kiểm soát nhằm tiên liệu trước các rủi ro, đó là hình thức kiểm soát

- a. Đo lường
- b. **Dự phòng**
- c. Chi tiết
- d. Thường xuyên

ĐÁP ÁN:

- 1. B
- 2. A
- 3. D
- 4. A
- 5. D
- 6. A
- 7. C
- 8. C
- 9. A
- 10. D
- 11. B

CHƯƠNG 7

Câu 1 : Chức năng của nhà lãnh đạo là

- a) Vạch ra các mục tiêu và phương hướng phát triển tổ chức
- b) Bố trí lực lượng thực hiện các mục tiêu của tổ chức
- c) Động viên khuyến khích nhân viên
- d) **Các lí do trên**

Câu 2 : Theo tác giả K.Lewin thì phong cách lãnh đạo gồm có các kiểu

- a) **Độc đoán, dân chủ, tự do**
- b) S1,S2,S3,S4
- c) (1.1), (1.9), (9.1), (9.9), (9.5)
- d) Tất cả đều sai

Câu 3 : Theo đại học OHIO, phong cách lãnh đạo gồm có các kiểu

- a) Độc đoán, dân chủ, tự do
- b) **S1,S2,S3,S4**
- c) (1.1), (1.9), (9.1), (9.9), (9.5)
- d) Tất cả đều sai

Câu 4 : Các nhu cầu bậc cao của con người trong tháp nhu cầu Maslow là

- a) Nhu cầu tự trọng, nhu cầu an toàn và xã hội
- b) **Nhu cầu xã hội, nhu cầu tự trọng và tự thể hiện**
- c) Nhu cầu sinh học, nhu cầu xã hội và nhu cầu an toàn
- d) Nhu cầu địa vị, nhu cầu phát triển và nhu cầu thành tựu

Câu 5 : Các nhu cầu bậc thấp của con người trong tháp nhu cầu Maslow là

- a) **Nhu cầu sinh học và an toàn**
- b) Nhu cầu sinh học và xã hội
- c) Nhu cầu an toàn và xã hội
- d) Nhu cầu ăn mặc ở

Câu 6 : “Lãnh đạo làm tìm cách.....đến người khác để đạt được mục tiêu của tổ chức”

- a) Ra lệnh
- b) **Gây ảnh hưởng**
- c) Bắt buộc
- d) Tác động

Câu 7 : “Theo quan điểm quản trị hiện đại, người lãnh đạo hiện đại là người.....đến người khác để đạt được mục tiêu của tổ chức”

- a) Ra lệnh
- b) **Truyền cảm hứng**
- c) Bắt buộc
- d) Tác động

Câu 8 : “Động viên là tạo ra sự.....hơn ở nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của tổ chức trên cơ sở thỏa mãn nhu cầu cá nhân”

- a) **Nỗ lực**
- b) Thích thú
- c) Vui vẻ
- d) Quan tâm

Câu 9 : Theo thuyết X của Douglas McGregor giả định con người

- a) Thích thú làm việc
- b) Ham muốn làm việc
- c) **Không thích làm việc**
- d) Vui vẻ làm việc

Câu 10 : Theo thuyết Y của Douglas McGregor giả định con người

- a) Ham muốn nghỉ ngơi
- b) **Ham thích làm việc**
- c) Không thích làm việc
- d) Vui vẻ làm việc

Câu 11 : Trong các phong cách lãnh đạo sau đây phong cách nào mang lại hiệu quả

- a) Độc đoán
- b) Dân chủ
- c) Tự do
- d) **Cả 3 đều sai**

Câu 12 : Theo tác giả K.Lewin phong cách lãnh đạo nào là tốt nhất

- a) Độc đoán
- b) **Dân chủ**
- c) Tự do
- d) **Cả 3 đều sai**

Câu 13 : Con người theo thuyết XY của Douglas McGregor

- a) Có bản chất lười biếng, không thích làm việc
- b) Có bản chất siêng năng, thích làm việc
- c) Siêng năng hay lười biếng không phải là bản chất mà là thái độ
- d) **Cả a và b đúng**

Câu 14 : Động lực làm việc của con người xuất phát từ

- a) 5 cấp bậc nhu cầu
- b) Nhu cầu bậc cao
- c) **Nhu cầu chưa được thỏa mãn**
- d) Những gì mà nhà quản trị đã làm cho người lao động

Câu 15 : Nhà quản trị nên lựa chọn

- a) Phong cách lãnh đạo độc tài
- b) Phong cách lãnh đạo dân chủ
- c) Phong cách lãnh đạo tự do
- d) **Tất cả đều không chính xác**

Câu 16 : Khi lựa chọn phong cách lãnh đạo cần tính đến

- a) Đặc điểm của nhà quản trị
- b) Đặc điểm của cấp dưới
- c) Tình huống cụ thể
- d) **Tất cả các câu trên**

Câu 17 : Động viên được thực hiện để

- a) **Tạo ra sự nỗ lực hơn cho nhân viên trong công việc**
- b) Thỏa mãn 1 nhu cầu nào đó của nhân viên
- c) Xác định mức lương và thưởng hợp lý
- d) Xây dựng 1 môi trường làm việc tốt

Câu 18 : Động cơ hành động của con người xuất phát mạnh nhất từ

- a) Các nhu cầu của con người trong lý thuyết Maslow
- b) Các nhu cầu bậc cao
- c) **Nhu cầu chưa được thỏa mãn**
- d) Phần thưởng hấp dẫn

Câu 19 : Để biện pháp động viên phù hợp, nhà quản trị cần xuất phát từ

- a) Ý muốn của chính mình
- b) **Nhu cầu của cấp dưới**
- c) Tiềm lực của công ti
- d) Tất cả những yếu tố trên

Câu 20 : Doanh nghiệp xây dựng nhà lưu trú cho công nhân là thực hiện loại nhu cầu

- a) Xã hội
- b) **Sinh học**
- c) Được tôn trọng
- d) Nhu cầu phát triển

Câu 21 : Doanh nghiệp tổ chức kì nghỉ tại Nha Trang cho công nhân viên là đáp ứng loại nhu cầu

- a) **Xã hội**
- b) Tự trọng
- c) Sinh lí
- d) Cả a và c

Câu 22 : Theo lý thuyết động viên của F.Herzberg, thuộc nhóm “yếu tố duy trì” là

- a) Công việc mang tính thách thức
- b) **Chính sách phân phối thu nhập**
- c) Sự thành đạt
- d) Tất cả sai

Câu 23 : Lý thuyết động viên của

F.Herzberg đề cập đến

- a) Các loại nhu cầu của con người
- b) **Yếu tố duy trì và yếu tố động viên trong quản trị**
- c) Sự mong muốn của nhân viên
- d) Tất cả sai

Câu 24 : Theo lý thuyết động viên của F.Herzberg, thuộc nhóm “yếu tố duy trì” là

- a) Điều kiện làm việc
- b) Mọi quan hệ trong công ty
- c) Hệ thống lương của công ty
- d) **Không câu nào đúng**

Câu 25 : Theo thuyết 2 yếu tố của F.Herzberg, yếu tố nào sau đây thuộc nhóm “yếu tố duy trì”

- a) Công việc mang tính thách thức
- b) **Điều kiện làm việc**
- c) Sự thành đạt
- d) Tất cả sai

Câu 26 : Bước thứ 2 của quy trình tuyển dụng là

- a) Đăng thông tin trên báo
- b) **Mô tả công việc và xác định yêu cầu của mỗi vị trí**
- c) Xác định nhu cầu cần tuyển dụng
- d) Tất cả đều sai

Câu 27 : Các tổ chức (doanh nghiệp) cần thực hiện đào tạo nhân viên

- a) Khi mới làm việc
- b) Trong quá trình làm việc
- c) Đáp ứng các yêu cầu công việc trong tương lai
- d) **Tất cả đều đúng**

Câu 28 : “Lãnh đạo là tìm cách gây ảnh hưởng đến người khác nhằm đạt được... của tổ chức”

- a) Kế hoạch
- b) **Mục tiêu**
- c) Kết quả
- d) Lợi nhuận

Câu 29 : Để quản lý thông tin tốt nhà quản trị cần phải biết

- a) Yêu cầu nhân viên thực hiện đầy đủ các báo cáo
- b) Chịu khó đọc các báo chuyên ngành
- c) **Cân bằng thông tin chính thức và phi chính thức**
- d) Tất cả đúng

Câu 30 : Theo thuyết động cơ thúc đẩy của Vroom, sức mạnh động viên phụ thuộc vào

- a) Sự đam mê
- b) Sự thân thiện

- c) Cách thuyết phục của nhà quản trị
- d) Nhiều yếu tố

ĐÁP ÁN

1.D 2.A 3.B 4.B 5.A 6.B 7.B 8.A 9.C 10.B 11.D 12.B 13.D 14.C 15.D 16.D 17.A 18.C
19.B 20.B 21.A 22.B 23.B 24.D 25.B 26.B 27.D 28.B 29.C 30.D